



TỦ SÁCH THĂNG LONG  
1000 NĂM

TRẦN NGỌC VƯƠNG - MAI THU HUYỀN

*Tuyển tập*

# TẢN ĐÀ

Tập II



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI



TUYỂN TẬP  
**TẢN ĐÀ**

TẬP 2

**Chỉ đạo thực hiện Dự án:**  
**THÀNH ỦY - ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Thường trực Hội đồng Tư vấn khoa học:**

GS. VŨ KHIÊU - *Chủ tịch Hội đồng*

Ông HỒ QUANG LỢI - *Phó Chủ tịch Hội đồng*

PGS.TS. PHẠM QUANG LONG - *Phó Chủ tịch Hội đồng*

**Hội đồng khoa học nghiệm thu bản thảo:**

PGS.TS. NGUYỄN HỮU SƠN - *Chủ tịch Hội đồng*

PGS.TS. VŨ THANH - *Phản biện 1*

PGS.TS. PHẠM XUÂN THẠCH - *Phản biện 2*

TS. NGUYỄN ĐỨC MẬU - *Ủy viên*

PGS.TS. TRẦN VĂN TOÀN - *Ủy viên*

Nhà thơ BẰNG VIỆT - *Trưởng ban TV sách Văn học - Nghệ thuật, Ủy viên*

Ông NGUYỄN KIM SƠN - *Nguyên Tổng Giám đốc NXB Hà Nội, Ủy viên*

Ông PHẠM QUỐC TUẤN - *Nguyên Chánh Văn phòng Dự án, Ủy viên*

---

**Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Tản Đà

Tuyển tập Tản Đà / B.s.: Trần Ngọc Vương, Mai Thu Huyền. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách Thăng Long ngàn năm văn hiến)

Phụ lục: tr. 528-638. - Thư mục: 639-660

T.2. - 2019. - 664tr.

ISBN 9786045541456

1. Tản Đà, 1889-1939, nhà thơ, Việt Nam 2. Nghiên cứu văn học 3. Văn học hiện đại 4. Tác giả 5. Tác phẩm  
895.922132 - dc23

HNH0034p-CIP



TỦ SÁCH THĂNG LONG  
1000 NĂM

**TRẦN NGỌC VƯƠNG - MAI THU HUYỀN**  
(Biên soạn)

**TUYỂN TẬP**  
**TẢN ĐÀ**

**TẬP 2**



**NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI - 2019**



## 3.2. KINH THI

### 經詩卷之一

#### KINH THI QUYỂN THỨ NHẤT

Nguyễn Khắc Hiếu, Nghiêm Thượng Văn, Đặng Đức Tô dịch,  
Nghiêm Hàm ấn quán, Hanoi, 1924

#### LỆ DỊCH KINH THI

A. Trong Tứ thư Ngũ kinh, riêng có *kinh Thi* là vận-văn, nếu không lấy thể vận-văn mà dịch thì không là *kinh Thi*. Vận-văn lại dịch ra vận-văn, cho được đủ nghĩa mà có nhời, tự kẻ dịch thật lấy làm khó. Nay trong bộ *kinh Thi* dịch ra quốc-văn này, toàn dịch theo thể vận-văn mà có chia làm hai phần hơi khác nhau: *Quốc-phong* là một phần; *Nhã* và *Tụng* là một phần. *Quốc-phong* gốc ở tính tình, vậy nên dịch trọng ở nhời văn mà ý nghĩa không dám bỏ qua những điều nhón; *Nhã*, *Tụng* quý ở đạo đức, vậy nên dịch trọng ở ý nghĩa mà nhời văn không dám tham đặt lấy câu hay. Tóm lại thời ý nghĩa có tỏ sáng hay không, nhời văn có chôi chảy hay không, ở kẻ dịch chưa dám tự tin mình, xin để chất cùng các quân-tử.

B. Trong *kinh Thi* hơn ba trăm thơ, dịch không dám bỏ một thơ nào. Riêng từng thơ thì hoặc có bỏ đi một vài chương, hoặc vài ba chương dịch dồn làm một chương, chỉ là theo tiện-nghi trong sự dịch; song những chương có những câu quan trọng, những câu có ý nghĩa quan trọng thì dịch không dám bỏ.

C. Nguyên-văn, các thơ không có cách luật nhất-định mà phần nhiều là mỗi câu bốn chữ. Văn dịch, các thơ cũng không có cách luật nhất định mà ở *Quốc-phong* thì phần nhiều là trên sáu chữ, dưới tám chữ; ở *Nhã*, *Tụng* thì phần nhiều là bốn chữ một câu, năm chữ một câu; ngoài các điệu trên sáu dưới tám, bốn chữ năm chữ thì hoặc có

theo một điệu cũ trong những câu hát của ta, cũng chỉ đều là theo tiện-nghi trong sự dịch, mong được khỏi nệ.

D. Trong *kinh Thi*, cần biết nhất là những thơ đó vì sao mà làm ra. Song những người làm ra thơ đã xa cách bao nhiêu đời; người đời sau làm truyện để thích kinh, chẳng qua tự lấy ý mình để đoán nghĩa thơ của người trước. Cho nên có nhiều thơ, mỗi người đoán đi mỗi nghĩa, tóm lại không lấy gì làm bằng-cứ. Nay văn dịch, trong các nhời thích nghĩa, cũng theo người nhà Minh, nhà Thanh, lấy ông Tru-Hy<sup>1</sup> làm chủ; những nhời giải thích khác, cũng có lấy ít nhiều. Cứ nhời thơ mà đoán lấy nghĩa thời ở người đọc tự có quyền vậy. Đức Khổng ngày xưa đọc thơ, câu thơ tình có thể xem về nghĩa đạo đức, ấy thật là khuôn phép cho người sau đọc *kinh Thi*.

*Kẻ dịch.*

### 詩集傳序

或有問予曰、詩何為而作也。

予應之曰、人生而靜、天之性也、感於物而動、性之欲也。夫既有欲矣、則不能無思。既有思矣、則不能無言。既有言矣、則言之所不能盡、而發於咨嗟咏嘆之餘者、必有自然之音響節族而不能已焉。此詩之所以作也。

曰、然則其所以教者何也。

曰、詩者人心之感物而形於言之餘也。心之所感有邪正、故言之所形有是非。惟聖人在上、則其所感者無不正、而其言皆足以為教。其或感之之雜、而所發不能無可擇者、則上之人必思所以自反、而因有以勸懲之、是亦所以為教也。昔周盛之時、上自郊廟朝廷而下達於鄉黨閭巷、其言粹然而不出於正者、聖人固已協之聲律、而用之鄉人、用之邦國、以化天下。至於列國之詩、則天子巡守、亦必陳而觀之、以行黜陟之典。降自昭穆而後、寢以陵夷。至於東遷、而遂廢不講矣。孔子生於其時、既不得位、無以行勸黜陟之政、於是特舉其籍而討論之、去其重複、正其紛亂、而其善之不足以為法、惡之不足以為戒。

<sup>1</sup> Tức Chu Hy. (NBS).



者、則亦刊而去之、以從簡約、示久遠、使夫學者即是而有以考其得失、善者師之而惡者改焉。是以其正雖不足以行於一時、而其教實被於萬世、是則詩之所以為教者然也。

曰、然則國風雅頌之體、其不衡若是、何也。

曰、吾聞之、凡詩之所謂風者、多出於裏巷歌謠之作、所謂男女相與詠歌、各言其情者也。惟周南昭南親被文王之化以成德、而人皆有以得其性情之正、故其發於言者、樂而不過於淫、哀而不及於傷、是以二篇獨為風詩之正經。自邶而下、其國之治亂不同、人之賢否亦異、其所感而發者、有邪正是非之不齊、而所謂先王之風者、於此焉變矣。若夫雅頌之篇、則皆成周之世、朝廷郊廟樂歌之詞、其語和而莊、其義寬而密、其作者往往聖人之徒、固所以為萬世法程、而不可易者也。至於雅之變者、亦皆一時賢人君子閔時病俗之所為、而聖人取之、其忠厚惻怛之心、陳善閉邪之意、尤非後世能言之、士所能及之。此詩之為經、所以人事浹於下、天道備於上、而無一理之不具也。

曰、然則其學之也當奈何。

曰、本之二南以求其端、參之列國、以盡其變、正之於雅、以大其規、和之於頌、以要其止、此學詩之大旨也。於是乎章句以綱之、訓詁以紀之、諷詠以昌之、涵濡以體之、察之性情隱微之間、審之言行樞機之始、則修身及家、平均天下之道、亦不待他求而得之於此矣。

問者唯唯而退、餘時方輯詩傳、因悉次是語以冠其篇雲。

淳熙四年、丁酉、冬十月、戊子、

新安朱熹書。

## BÀI TỰA TẬP TRUYỆN KINH THI<sup>1</sup>

Có người hỏi ta rằng: - Thơ tại sao mà làm ra?

Ta giả nhời rằng: - Người ta để ra mà tính, là tính Giời cho nguyên như thế; cảm ở vật ngoài mà mới động thời ấy là sự muốn của tính. Đã có muốn thời phải có nghĩ; đã có nghĩ thời phải có nói; đã có nói

<sup>1</sup> Ông Tru-Hy thích nghĩa kinh Thi, có lấy thêm các nhời của tiên-nho, gọi là "Tập-truyện" mà đây là bài tựa. Nay những bài thích nghĩa, in ở dưới văn kinh mà không nói là của ai, hoặc là nhời của ai mà có giấu " ", đều là tập-truyện của thầy Tru cả. Còn những nhời ở ngoài tập-truyện thời có đánh một cái ngang -----mà in xuống dưới, cho được phân biệt. (Người dịch).

thời những cái ý-nhị không thể nói hết ra được mà hình hiện ở trong lúc ngậm-ngùi ngợi than, tự-nhiên tất phải có những giọng điệu cung bực, như không thôi đi được. Ấy tại thế mà sinh ra có thơ.

- Ủ, thế thời lấy gì để mà dạy cho người ta học?

- Thơ đã là lòng người ta cảm vật ngoài mà hình hiện ra ở khi nói. Những sự cảm vào ở trong lòng, có tà chính khác nhau; cho nên những nhời hình ra ở câu nói, có phải trái khác nhau. Chỉ có ông thánh-nhân làm vua ở trên thời bao sự cảm của người đời đều chính cả mà những nhời nói ra, đều đủ cả để dạy người; hoặc cũng có những sự cảm vào hỗn-tạp mà những nhời nói ra còn phải trọn<sup>1</sup> thời, người trên tất phải xét lại ở mình mà nhân đó cũng có ít nhiều sự khuyên răn, thế cũng là để dạy. Nhớ xưa nhà Chu đương lúc còn thịnh-trị, trên từ chỗ giao-miếu triều-đình, mà dưới đến các làng mạc xóm ngõ, những nhời nói ra đều trong sạch, không nhời nào là không chính; thánh-nhân đã hiệp vào đàn nhạc mà đem dùng ở trong làng trong nước, để hóa thiên-hạ; đến như những thơ ở các nước (chư-hầu) thời vua thiên tử đi tuần-thú, tất cũng liệt ra mà xem, để giáng tước, hoặc nhắc tước<sup>2</sup>. Xuống đến đời vua Chiêu vua Mục, từ đấy mà về sau, ngày càng suy hèn lụn bại; lại đến khi dời kẻ-chợ sang phương đông mà thôi bỏ không nói đến nữa. Đức Khổng sinh vào đời ấy, đã không được ở cái ngôi thiên-tử, không có quyền chính để làm những việc khuyên hay răn, giáng hay nhắc; mới đem những bản chép cũ mà so sánh xem xét, bỏ những câu chùng nhau, xưa những nhời rắc-rối, những điều thiện không đủ để cho người ta bắt chước, những điều ác không đủ để cho người ta răn thời cũng san mà bỏ đi, cho được gọn, để về lâu xa; khiến cho những người học cứ đó mà có xét được những điều hay nhẽ dở, thiện thời bắt chước mà ác thời đổi đi. Vậy cho nên chánh-trị của Ngài dẫu không được làm ra trong nhất thì mà giáo-dục của Ngài thật có ơn trạch đến vạn thế. Ấy là cái chỗ của *kinh Thi* để dạy người vậy.

<sup>1</sup> Tức "chọn". (NBS).

<sup>2</sup> Cứ xem ở nhời thơ, nước nào phong-tục hay thì ông vua chư-hầu ấy được nhắc tước lên một bực; nước nào phong-tục dở thời ông vua chư-hầu ấy phải giáng tước xuống một bực.